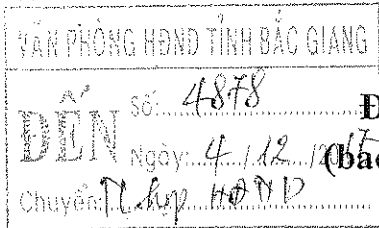


ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 268 /TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2017



## TỜ TRÌNH

**Đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước  
(bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020  
của tỉnh Bắc Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017, số 1291/QĐ-TTg ngày 29/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017, số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII kỳ họp thứ 2 về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020; Công văn số 160/HĐND-TH ngày 29/3/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về phương án kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020; Công văn số 494/HĐND-TH ngày 10/8/2017 về việc bổ sung dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ tình hình triển khai, thực hiện cần điều chỉnh bổ sung các dự án cấp thiết trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã rà soát, hoàn thiện và tổng hợp trình

HĐND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm cả Trái phiếu Chính phủ).

*(Có Kế hoạch gồm thuyết minh và các bảng biểu kèm theo)*

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII xem xét, quyết định. / *ly*

**Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 4;
  - TT Tỉnh ủy (b/c);
  - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, TH.
- \* Bản điện tử:**
- VP UBND tỉnh:
    - + Lãnh đạo VP; TKCT;
    - + GT-XD; CNN; KGVX; ĐT-TN&MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Lai Thanh Sơn**

Số: 269 /KH-UBND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 12 năm 2017

## KẾ HOẠCH

### Đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017, số 1291/QĐ-TTg ngày 29/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017, số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII kỳ họp thứ 2 về việc thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước, trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020; Công văn số 160/HĐND-TH ngày 29/3/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến về phương án kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020; Công văn số 494/HĐND-TH ngày 10/8/2017 về việc bổ sung dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020;

UBND tỉnh báo cáo một số nội dung điều chỉnh, bổ sung và dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, ODA trình HĐND tỉnh khóa XVIII, kỳ họp thứ 4, cụ thể như sau:

#### **A. VỀ CÁC NỘI DUNG BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN GIỮA CÁC DỰ ÁN**

##### **I. Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và số xóa kiến thiết**

##### **1. Về điều chỉnh giảm vốn: 198,845 tỷ đồng**

- Điều chỉnh giảm 2,0 tỷ đồng của dự án Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phía Bắc KCN Song Khê - Nội Hoàng (giai đoạn I) (do năm 2016 được phân bổ 2,0 tỷ đồng vốn ngân sách tỉnh bổ sung).

- Điều chỉnh giảm 2,0 tỷ đồng vốn đối ứng ngân sách Trung ương Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang, do có nguồn thu từ trồng thay thế để thực hiện đối ứng ngân sách Trung ương.

- Điều chỉnh giảm 19,0 tỷ đồng của Dự án hệ thống thủy lợi Sông Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (do điều chỉnh tổng mức đầu tư nên kế hoạch trung hạn điều chỉnh từ 36,103 tỷ đồng tăng lên thành là 40,706 tỷ đồng và được bố trí như sau: vốn CDDP là 17,103 tỷ đồng, nguồn thu sử dụng đất năm 2017 đã phân bổ

23,603 tỷ đồng. Như vậy, kế hoạch ban đầu bố trí 36,103 tỷ đồng, giảm 19,0 tỷ đồng còn lại là 17,103 tỷ đồng).

- Điều chỉnh giảm 0,3 tỷ đồng của Dự án Tu bổ đê điều thường xuyên hàng năm (đê địa phương) do năm 2016 đã được phân bổ vốn ngân sách tỉnh bổ sung.

- Điều chỉnh giảm 26,055 tỷ đồng của Dự án Cải tạo, nâng cấp đường làng Tụ - Dương Huy (đoạn từ Trung tâm thương mại Bích Sơn đến Trường THPT Lý Thường Kiệt), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do được phân bổ 12 tỷ đồng năm 2016 và 14,055 tỷ đồng năm 2017 nguồn ngân sách tỉnh bổ sung.

- Điều chỉnh giảm 55,0 tỷ đồng của Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Nhà thể thao Xương Giang (năm 2017 đã được phân bổ từ nguồn thu sử dụng đất; năm 2018 tiếp tục phân bổ từ nguồn thu tiền sử dụng đất để hoàn trả Quỹ Phát triển đất tỉnh).

- Điều chỉnh giảm 3,5 tỷ đồng của Dự án Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu và hệ thống mạng máy tính trong các cơ quan nội mạng thông tin của Tỉnh ủy do điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư.

- Điều chỉnh giảm 3,0 tỷ đồng của Trường Trung cấp nghề 19/5 (Nhà học phụ số 2) do dự án đã hoàn thành và được bố trí trong vốn quyết toán năm 2017.

- Điều chỉnh giảm 7,5 tỷ đồng (4,55 tỷ đồng vốn cân đối NSDP và 2,95 tỷ đồng vốn sở xố kiến thiết) của Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Giáp Hải do được phân bổ 3,2 tỷ đồng năm 2016 nguồn ngân sách tỉnh bổ sung.

- Điều chỉnh giảm 69,74 tỷ đồng của Dự án Nghĩa trang nhân dân thành phố Bắc Giang (dự án đã được tạm dừng và quyết toán năm 2017).

- Điều chỉnh giảm 1,1 tỷ đồng của Dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh (đối ứng 20% TMĐT của dự án để BT GPMB và triển khai thực hiện), do dự án được bố trí kế hoạch từ nguồn vốn thu đấu giá quyền sử dụng đất.

- Điều chỉnh giảm 9,650 tỷ đồng của Dự án Trụ sở làm việc Công an tỉnh (hỗ trợ BTGPMB) (do điều chỉnh chỉ thực hiện GPMB giai đoạn 1 của dự án).

## **2. Về điều chỉnh tăng vốn: 197,745 tỷ đồng**

- Điều chỉnh tăng 69,877 tỷ đồng bổ sung vốn trả nợ các dự án hoàn thành quyết toán.

- Điều chỉnh tăng 0,804 tỷ đồng cho Dự án phát triển hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc do khối lượng thực hiện thực tế tăng lên.

- Điều chỉnh tăng 8,0 tỷ đồng cho Dự án Cải tạo trạm bơm Trúc Tây phục vụ tiêu thoát nước khu công nghiệp do tiếp tục thực hiện để hoàn thành toàn bộ dự án;

- Điều chỉnh tăng 6,0 tỷ đồng cho Dự án Đài phun nước nghệ thuật tại Quảng trường 3-2 thành phố Bắc Giang;

- Điều chỉnh tăng 0,127 tỷ đồng cho Dự án Nhà lớp học và phòng chức năng Trường THPT Mỏ Trạng do năm 2016 đã được điều chuyển, phân bổ vốn;

- Điều chỉnh tăng 12,0 tỷ đồng cho Dự án Bệnh viện Nội tiết 100 giường tỉnh Bắc Giang (do điều chỉnh tăng nguồn vốn đầu tư ngân sách tỉnh, giảm nguồn vốn sự nghiệp của ngành y tế);

- Điều chỉnh tăng 82,0 tỷ đồng (vốn cân đối ngân sách tỉnh tăng 74,750 tỷ đồng, vốn xổ số kiến thiết tăng 7,25 tỷ đồng) cho Dự án Khôi phục điều trị nội trú, Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, Hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh (do điều chỉnh nguồn vốn, chuyển 100 tỷ đồng vốn vay sang vốn ngân sách tỉnh).

- Điều chỉnh tăng 4,0 tỷ đồng cho Dự án Xây dựng trụ sở làm việc các đơn vị sự nghiệp của các sở, ngành do điều chỉnh, bổ sung dự toán sử dụng từ vốn dự phòng của dự án.

- Điều chỉnh tăng 1,0 tỷ đồng cho Dự án Trụ sở làm việc và cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh (hỗ trợ BTGPMB và triển khai thực hiện dự án), do được điều chỉnh chi phí BT GPMB theo quyết định đầu tư của dự án.

- Điều chỉnh tăng 0,587 tỷ đồng cho Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Hiệp Hòa, thuộc Công an tỉnh Bắc Giang (hỗ trợ BTGPMB) do bổ sung kinh phí bồi thường GPMB.

- Điều chỉnh tăng 2,650 tỷ đồng cho Dự án Cơ sở làm việc Phòng cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bắc Giang do bổ sung khối lượng thực hiện.

- Bổ sung danh mục và vốn là 1,0 tỷ đồng cho Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, vốn vay ngân hàng Thế giới do dự án được bổ sung đưa vào trung hạn nguồn vốn ODA.

- Bổ sung danh mục và vốn là 2,5 tỷ đồng cho Dự án Kiên cố hóa kênh mương xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (dự án được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý hỗ trợ tại Công văn số 2876/UBND-NC ngày 19/9/2016).

- Bổ sung danh mục và vốn 8,3 tỷ đồng cho Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Mỏ Trạng đi Bồ Hạ, huyện Yên Thế (do nguồn vốn JICA không được bố trí theo Hiệp định đã cam kết; dự án đã được điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn để sử dụng vốn tín dụng ưu đãi, ngân sách tỉnh và đăng ký vốn tín dụng trong trung hạn giai đoạn 2016-2020, nhưng đến nay không được Trung ương giao).

## **II. Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung**

Bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh 114,65 tỷ đồng cho 12 dự án (đã được HĐND tỉnh cho ý kiến chấp thuận trong năm 2016 (phần tăng sau khi Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 được ban hành là 57,095 tỷ đồng, năm 2017 bổ sung là 62,555 tỷ đồng), gồm:

- Bổ sung 33,13 tỷ đồng cho vốn trả nợ các dự án hoàn thành quyết toán.

- Bổ sung 2,0 tỷ đồng cho Dự án Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phía Bắc KCN Song Khê - Nội Hoàng (giai đoạn I).

- Bổ sung 0,2 tỷ đồng cho Dự án Tu bổ đê điều thường xuyên hàng năm (đê địa phương).

- Bổ sung 26,055 tỷ đồng cho Dự án Cải tạo, nâng cấp đường làng Tụ - Dương Huy (đoạn từ Trung tâm thương mại Bích Sơn đến Trường THPT Lý Thườn Kiệt), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Bổ sung 10,0 tỷ đồng cho Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang (giai đoạn 1).

- Bổ sung 0,365 tỷ đồng cho Dự án Nhà lớp học và phòng chức năng Trường THPT Mỏ Trạng.
- Bổ sung 3,2 tỷ đồng cho Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Giáp Hải.
- Bổ sung 6,8 tỷ đồng cho Dự án Bệnh viện Nội tiết 100 giường tỉnh Bắc Giang.
- Bổ sung 18,0 tỷ đồng cho Dự án Khôi điều trị nội trú, Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn, Hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh.
- Bổ sung 6,0 tỷ đồng cho Dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang.
- Bổ sung 9,4 tỷ đồng cho Dự án Trụ sở làm việc liên cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ.
- Bổ sung 4,5 tỷ đồng cho Dự án Trụ sở làm việc và cụm kho vật chứng của Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

### **III. Điều chỉnh dự kiến nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 từ nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất.**

Căn cứ nguồn vốn từ nguồn thu sử dụng đất đã được phân bổ năm 2016, 2017, kế hoạch năm 2018 (đang trình phân bổ) và dự kiến dự toán nguồn thu sử dụng đất 02 năm 2019-2020, điều chỉnh tăng 3.621,2 tỷ đồng, kế hoạch đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất từ 1.995,3 tỷ đồng tăng lên 5.616,5 tỷ đồng, gồm:

- Năm 2016: 611,5 tỷ đồng;
- Năm 2017: 1.100 tỷ đồng;
- Năm 2018: 1.905 tỷ đồng;
- Năm 2019-2020: 2.000 tỷ đồng.

### **IV. Nguồn vốn hỗ trợ mục tiêu ngân sách Trung ương**

#### **1. Điều chỉnh tăng vốn 30 tỷ đồng**

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020, trong đó dự án Xây dựng cầu Đông Xuyên và đường dẫn lên cầu phải thu hồi 61,066 tỷ đồng, kế hoạch vốn tăng thêm 30 tỷ đồng (vốn đã phân bổ 31,066 tỷ đồng).

#### **2. Điều chỉnh giảm vốn 30 tỷ đồng của 06 dự án**

- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 295 (đoạn Vôi - Bến Tuần và đoạn Ngọc Châu - TT Thăng), tỉnh Bắc Giang: 05 tỷ đồng;
- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã từ Cầu Liêng Phúc Hòa - thị trấn Cao Thượng đi Cao Xá - Lam Cốt đến Hoàng Thanh (huyện Hiệp Hòa), tỉnh Bắc Giang: 05 tỷ đồng;
- Đường vào trung tâm xã Bông Am, huyện Sơn Động: 05 tỷ đồng;
- Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2020: 05 tỷ đồng;
- Trạm xử lý nước thải, hệ thống đường giao thông nội bộ khu phía Bắc KCN Song Khê - Nội Hoàng: 05 tỷ đồng;

- Xây dựng Khoa dân tộc nội trú Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang: 05 tỷ đồng;

#### **V. Nguồn vốn các Chương trình MTQG**

Điều chỉnh kế hoạch vốn theo Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số vốn tăng 551,453 tỷ đồng (từ 1.747,492 tỷ đồng tăng lên thành 2.298,945 tỷ đồng (bao gồm cả vốn sự nghiệp và vốn TPCP), gồm:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giảm 61,447 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển giảm 26,565 tỷ đồng, vốn sự nghiệp giảm 34,882 tỷ đồng).

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tăng 612,900 tỷ đồng (vốn ĐTPT 182,610 tỷ đồng, vốn đầu tư ngân sách tỉnh 12 tỷ, vốn sự nghiệp 304,290 tỷ đồng, vốn TPCP là 114 tỷ đồng).

#### **VI. Vốn ODA:**

Điều chỉnh kế hoạch vốn theo Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2017 và số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư như sau:

**1. Điều chỉnh giảm vốn 6,727 tỷ đồng** của Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả.

**2. Bổ sung danh mục và vốn là 6,727 tỷ đồng** cho Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh Bắc Giang, vốn vay ngân hàng Thế giới.

### **B- DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NSNN (BAO GỒM CẢ VỐN TPCP) GIAI ĐOẠN 2016-2020**

#### **I. Về tổng nguồn vốn**

Tổng nguồn vốn đầu tư công tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020 là 15.268,616 tỷ đồng (Vốn trong nước là 14.003,917 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 1.264,699 tỷ đồng), gồm:

- Kế hoạch vốn do Trung ương giao là 11.322,442 tỷ đồng (Vốn trong nước là 10.057,742 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 1.264,699 tỷ đồng).

- Ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư là 324,974 tỷ đồng.

- Dự kiến tăng thu tiền sử dụng đất so với kế hoạch Trung ương giao là 3.621,2 tỷ đồng (Trung ương giao là 1.995,3 tỷ đồng).

#### **II. Phân bổ chi tiết 90% theo từng nguồn vốn**

**1. Vốn ngân sách tỉnh:** Tổng nguồn là 8.866,159 tỷ đồng

**1.1. Vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ là 2.836,935 tỷ đồng.**

(1) Trả nợ vốn vay tín dụng: 530,752 tỷ đồng;

(2) Trả nợ các dự án quyết toán: 188,090 tỷ đồng;

(3) Vốn chuẩn bị đầu tư: 10 tỷ đồng;

(4) Hỗ trợ các huyện, thành phố là 457,900 tỷ đồng, gồm: Hỗ trợ theo Nghị quyết 29/2015/NQ-HĐND là 375 tỷ đồng; Hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở xã là 82,9 tỷ đồng (trả nợ các dự án chuyển tiếp là 7,9 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng 30 trụ sở mới là 75 tỷ đồng, mức hỗ trợ là 2,5 tỷ đồng/trụ sở).

(5) Đầu tư chương trình ATK là 127,330 tỷ đồng;

- (6) Đối ứng ngân sách tỉnh cho các dự án ODA là 42,987 tỷ đồng;
- (7) Đầu tư lĩnh vực công nghiệp, điện là 23 tỷ đồng;
- (8) Đầu tư lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và PTNT là 367,003 tỷ đồng (trong đó hỗ trợ CTMTQG xây dựng nông thôn mới là 260 tỷ đồng, kết hợp với nguồn ngân sách tỉnh bổ sung 40 tỷ đồng).
- (9) Đầu tư lĩnh vực giao thông là 32,245 tỷ đồng;
- (10) Đầu tư lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch là 322,0 tỷ đồng.
- (11) Đầu tư lĩnh vực công nghệ thông tin là 15,396 tỷ đồng;
- (12) Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ 2,5 tỷ đồng;
- (13) Đầu tư lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp là 193,127 tỷ đồng;
- (14) Đầu tư lĩnh vực Y tế, dân số, vệ sinh, an toàn thực phẩm là 281,750 tỷ đồng;
- (15) Đầu tư lĩnh vực Lao động, thương binh và xã hội là 8,0 tỷ đồng;
- (16) Đầu tư lĩnh vực tài nguyên, môi trường là 34,0 tỷ đồng;
- (17) Hỗ trợ các công trình nước sạch theo QĐ 755/QĐ-TTg là 24,421 tỷ đồng;
- (18) Đầu tư lĩnh vực công cộng, đô thị là 0,26 tỷ đồng;
- (19) Lĩnh vực quản lý Nhà nước là 109,087 tỷ đồng;
- (20) Quốc phòng, an ninh là 67,087 tỷ đồng.

1.2. *Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết:* 87,750 tỷ đồng (không tính số vốn đã giao năm 2016 là 18,5 tỷ đồng).

1.3. *Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:* 5.616,5 tỷ đồng, bao gồm: Điều tiết về ngân sách tỉnh để lập Quỹ đất tỉnh, bổ sung cho đầu tư là 1.192,650 tỷ đồng (số thực tế đã điều tiết 2 năm 2016, 2017, 2018 và 10% tổng thu của 02 năm 2019-2020); để lại cho các huyện, thành phố là 4.423,850 tỷ đồng.

1.4. *Vốn ngân sách tỉnh bổ sung:* 324,974 tỷ đồng (đã giao năm 2016 là 261,619 tỷ đồng, 2017 là 62,555 tỷ đồng)

## **2. Vốn ngân sách Trung ương:**

2.1. *Vốn đầu tư các Chương trình MTQG là 1.377,647 tỷ đồng*

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 920,610 tỷ đồng (không bao gồm kinh phí khen thưởng xây dựng các công trình phúc lợi thực hiện phong trào cả nước chung sức xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015 là 19 tỷ đồng).

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững dự kiến là 457,037 tỷ đồng;

2.2. *Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ:* 60,996 tỷ đồng.

2.3. *Vốn đầu tư các chương trình mục tiêu Trung ương:* Tổng số vốn 1.681,741 tỷ đồng được phân bổ như sau:

- Đối ứng 01 dự án ODA là 124,2 tỷ đồng.

- Phân bổ cho các dự án hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015, thu hồi ứng trước và dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020: 25 dự án, số vốn bố trí là 590,281 tỷ đồng. Trong đó, thanh toán nợ đọng XDCB là 18,776 tỷ đồng (đã bố trí trả nợ hết trong năm 2016); bố trí thu hồi ứng trước là 159,046 tỷ đồng.



- Phân bổ cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020: 23 dự án, số vốn bố trí là 967,260 tỷ đồng.

**2.2. Vốn nước ngoài:** Tổng số là 1.138,229 tỷ đồng, phân bổ cho 07 dự án:

- Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang là 576,687 tỷ đồng;

- Dự án Phát triển Bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang bằng nguồn vốn vay của JICA Nhật Bản là 172,198 tỷ đồng.

- Dự án Mở rộng Quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả là 193,273 tỷ đồng.

- Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện vay vốn Ngân hàng Thế giới là 57,127 tỷ đồng;

- Dự án Hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc bộ và Đồng bằng sông Hồng sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới là 32,217 tỷ đồng;

- Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập (WB8) tỉnh Bắc Giang là 100 tỷ đồng.

- Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Bắc Giang là 6,727 tỷ đồng.

**3. Vốn trái phiếu Chính phủ:** Tổng số vốn 1.011,6 tỷ đồng được phân bổ như sau:

- Lĩnh vực giao thông: 01 dự án khởi công mới 2017-2020 là Đường Vành đai IV (Hà Nội) địa phận tỉnh Bắc Giang là 927 tỷ đồng.

- Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học: Tổng số vốn phân bổ là 84,6 tỷ đồng (phòng học mầm non là 59,0 tỷ đồng và tiểu học là 25,6 tỷ đồng). Tổng số phòng được hỗ trợ vốn TPCP của 05 huyện thuộc đối tượng giai đoạn 2017-2020 là 118 phòng học mầm non và 102 phòng học tiểu học.

(Chi tiết theo hệ thống biểu kèm theo).

Trên đây là dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh khóa XVIII. /

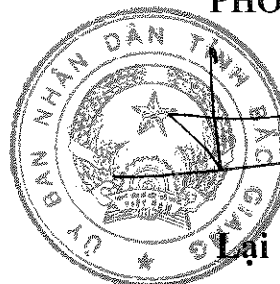
**Nơi nhận:**

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2b);
- Bộ Tài chính (2b);
- TTTU, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở KH&ĐT, TC;
- Lưu: VT, TH.

**Bản điện tử:**

- VP UBND tỉnh:
  - + LĐVP; TKCT;
  - + GT-XD; CNN; KGVX; ĐT-TN&MT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Thanh Sơn**



## **PHỤ LỤC**

### **KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (BAO GỒM VỐN TPCP) GIAI ĐOẠN 2016-2020**

*(Kèm theo Kế hoạch số 269 /KH-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017  
của UBND tỉnh Bắc Giang)*



## TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NSNN VÀ TPCP GIAI ĐOẠN 2016-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020						Ghi chú
		Tổng số (các nguồn)	Vốn trong nước				Vốn nước ngoài	
			Tổng số	Trong đó:				
			Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ đóng XDCB	Vốn đối ứng các dự án ODA			
	<b>TỔNG SỐ</b>	15.268.616	14.003.917	159.046	18.776	124.200	1.264.699	
<b>A</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TỈNH</b>	9.412.824	9.412.824					
A.1	Phân bổ chi tiết 90%	8.866.159	8.866.159					
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ	2.836.935	2.836.935					
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	5.616.500	5.616.500					Trung ương giao 1.995,300 tỷ đồng
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	87.750	87.750					Không bao gồm số vốn năm 2016
4	Vốn ngân sách tỉnh bổ sung cho đầu tư	324.974	324.974					Đã bố trí năm 2016, năm 2017
A.2	Dự phòng 10%	546.665	546.665					Bao gồm cả 10% dự phòng tiền đất theo số thu tiền đất TW giao 2016-2020
<b>B</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	4.731.792	3.467.093	159.046	18.776	124.200	1.264.699	
B.1	Phân bổ chi tiết 90%	4.258.613	3.120.384	159.046	18.776	124.200	1.138.229	
1	<b>Chương trình MTQG</b>	1.377.647	1.377.647					
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	920.610	920.610					
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	457.037	457.037					
2	Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg	60.996	60.996					
3	Các chương trình mục tiêu Trung ương	1.681.741	1.681.741	159.046	18.776	124.200		
4	Vốn vay ODA	1.138.229					1.138.229	
B.2	Dự phòng 10%	473.179	346.709				126.470	
	Trong đó:							
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	102.290	102.290					
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	50.782	50.782					
-	Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg	6.777	6.777					
<b>C</b>	<b>VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ</b>	1.124.000	1.124.000					
C.1	Phân bổ chi tiết 90%	1.011.600	1.011.600					
C.2	Dự phòng 10%	112.400	112.400					











26	Bồi dưỡng dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tại địa bàn tỉnh Bắc Giang	6 huyện, tỉnh Bắc Giang	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	2017-2022				1/42/QĐ-UBND, 08/9/2016, 208/TTNMT-KH	152.498	24.321	263.488	39.523	75.000	25.000	23.000	2.000		
VII CÔNG NGHỆ, ĐIỆN																		
1	Cải tạo hệ thống cấp nước sinh hoạt tại đơn vị								313.652	59.367	263.488	39.523	75.000	25.000	23.000	2.000		
1.1	Dự án Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt tại xã Bắc Sơn, huyện Yên Dũng (giai đoạn 1)	Huyện Yên Dũng	Cải tạo 5 tuyến đường 2,9 km; hệ thống thoát nước	2014-2016				175/QĐ-UBND, 31/10/2014	50.183	20.000			15.000	15.000	13.000	2.000		
1.2	Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2013-2020	Tỉnh Bắc Giang	Cấp điện cho 86 thôn, bản thuộc 5 huyện	2014-2020				96/QĐ-UBND, 04/7/2014	263.469	39.367	1209/QĐ-UBND, 26/6/2015	39.523	60.000	10.000	10.000			
VIII NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN																		
1	Hỗ trợ bồi thường GPMB tu bổ đê điều thường xuyên hàng năm (đê Trung ương)	Tỉnh Bắc Giang	Tu bổ, sửa chữa các tuyến đê cấp	2016-2020				441/QĐ-BNN-TCCT, 30/10/2015	224.000	15.000			10.000	10.000	10.000			
2	Dự án Hệ thống thủy lợi hồ Sông Sỏi, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	H. Yên Thế	Tuổi 2.806 ha	2009-2015				984/QĐ-UBND ngày 17/6/2009	438.016		242/QĐ-UBND, 17/6/2015; 1405/QĐ-UBND, 19/8/2017	42.303	40.706	17.103	17.103			
3	Tu bổ đê điều thường xuyên hàng năm (đê địa phương)	Các huyện, thành phố	Tu bổ, sửa chữa các tuyến đê cấp TV	2016-2018				1986/QĐ-UBND, 30/10/2015; 151/QĐ-SNN, 31/3/2016	30.000	30.000			29.900	29.900	29.700	200		
4	Dự án bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, khu rừng bảo vệ cảnh quan suối Mỏ, huyện Lục Nam	Huyện Lục Nam	Bảo vệ rừng 670,3ha, trồng mới 100ha rừng	2014-2020				142/QĐ-SKHĐT, 29/10/2013	5.303	5.303	182/QĐ-SKHĐT, 19/11/2015	5.303	3.000	3.000	3.000			
5	Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	Hỗ trợ bảo vệ và phát triển rừng	2016-2020				1987/QĐ-UBND, 30/10/2016	92.662	13.622			33.250	3.000	3.000			
6	Dự án đầu tư hỗ trợ đời sống, sản xuất cho hộ tái định cư và công đồng dân số tại các một số xã có tiếp nhận dân tái định cư thuộc dự án di dân tái định cư Thường biến quốc gia khu vực 1	30 xã thuộc 3 huyện SDông, Lạng Sơn, Lâm Định	365 hộ tái định cư công trình hạ tầng GR, TL, giao đưc	2014-2015				34/QĐ-UBND, 10/01/2014; 585/QĐ-UBND, 14/5/2014	257.856	52.915	1511/QĐ-UBND, 02/10/2014	52.915	100.000	20.000	20.000			
7	Cải tạo trạm bơm Trục Tuy phục vụ tưới thoát nước khu công nghiệp	Huyện Việt Yên		2013-2015				754/QĐ-UBND, 06/5/2013	100.585	100.585			19.000	16.000	11.000	5.000		
8	Kiến tạo hóa kênh mương xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Xã Tiên Phong, huyện Yên Dũng	3,84km kênh cấp TV	2016-2017				1070/QĐ-UBND, 31/1/2016	5.137	2.568			5.000	2.500	2.500			

Ưng quốc NSSTV năm 2015 là 2010 tỷ đồng; năm 2016 là 2010 tỷ đồng; năm 2017 là 300 tỷ đồng

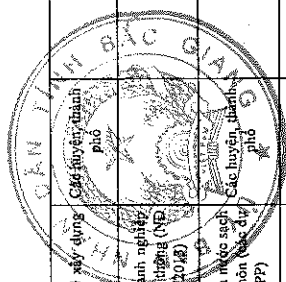
Vốn hỗ trợ đất đai năm 2017 là 300 tỷ đồng

Kết hợp đầu tư từ ngân sách địa phương và ngân sách tỉnh để thực hiện dự án năm 2016

Kết hợp đầu tư từ ngân sách địa phương và ngân sách tỉnh để thực hiện dự án năm 2016

Kết hợp đầu tư từ ngân sách địa phương và ngân sách tỉnh để thực hiện dự án năm 2016

Kết hợp đầu tư từ ngân sách địa phương và ngân sách tỉnh để thực hiện dự án năm 2016



STT	Hồ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	2016-2020	31/9/QĐ-UBND-XD 04/02/2016	254.622	21.789	99.370	157.407	16.511	10.876	108.808	10.700	10.700	300.000	300.000	260.000	40.000	Bổ sung với ngân sách của XTMQG XD NTM
9	Hồ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	2016-2020															
10	Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (NĐ 21/02/2013/NĐ-CP ngày 19/1/2013)	2016-2020	31/9/QĐ-UBND-XD 04/02/2016	254.622	21.789	99.370	157.407	16.511	10.876	108.808	10.700	10.700	300.000	300.000	260.000	40.000	
11	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính và vệ sinh môi trường nông thôn (theo dự án thực hiện theo hình thức PPP)	2016-2020															
*	Dự án chuyển tiếp																
11.1	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Quang Châu, huyện Việt Yên	2013-2016															
11.2	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Yên Mỹ-TT Vôi, huyện Lạng Giang	2013-2016															
11.3	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	2009-2010															
11.4	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa	2010-2011															
11.5	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung thị trấn Neo, huyện Yên Dũng	2015-2020															
<b>IX</b>	<b>GIAO THÔNG VÀN TÀI</b>																
<b>2</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</b>																
1.1	Đường trục chính khu dân cư, dịch vụ thôn Mỹ Điện xã Hoàng Ninh huyện Việt Yên	2009-2017															
1.2	Dự án sửa chữa một số công trình giao thông: Ngâm Bèi Bả, Ngâm Khe Cắm, Ngâm Đông Cuối, thôn Đông Láng, xã Dương Hưu huyện Sơn Động	2015-2018															
<b>2</b>	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</b>																
2.1	Cải tạo, nâng cấp đường làng Tụ - Dương Huy (đoạn từ Trung tâm thương mại Bích Sơn đến Trường THPT Lý Thúc Kỵ), huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	2016-2018	510/QĐ-UBND, 23/10/2015	54.276	40.000												
2.2	Cải tạo, nâng cấp đường M6 Trưng di Bó xã, huyện Yên Thế	2014-2017															



2.1	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dự báo và hệ thống mạng máy tính/trong các cơ quan nổi mạng thông tin của Tỉnh và TP Bắc Giang	Hàng vật lý, kỹ thuật, trang thiết bị CNTT	2017-2018	537/QĐ-UBND, 30/10/2015	19.997	19.997	19.997	19.997	9.795	9.795	9.795	9.795	8.800	8.800	8.800	8.500				
2.2	Nhà điều hành Trung tâm tích hợp dự báo tỉnh Bắc Giang	Nhà 03 tầng, diện tích 675m <sup>2</sup>	2017-2018	374/QĐ-UBND, 29/6/2016	4.585	4.585	4.585	4.585	4.449	4.449	4.449	4.449	4.100	4.100	4.100	4.000				
XII	<b>KHOA HỌC CÔNG NGHỆ</b>																			
I	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</b>																			
1.1	Dự án đầu tư thiết bị phòng thí nghiệm quản lý nhà nước về tiền lương, thuế và các lĩnh vực khác, đơn vị: Phòng Quản lý Thuế TP Bắc Giang	Mua sắm TTB	2015		4.318	4.318	4.318	4.318	4.318	4.318	4.318	4.318	2.500	2.500	2.500	2.500	0	0	0	0
XIII	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ GIAO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>																			
I	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</b>																			
1.1	Dự án Nhà lợp học và phòng chức năng Trường THPT Mộ Trang	Huyện Yên Thế	2014-2016		5.882	5.882	5.882	5.882	5.882	5.882	5.882	5.882	492	492	492	127	365			
1.2	Nhà 12 phòng học Trường THPT Lạc Ngạn số 1	Thị trấn Chũ, huyện Lạc Ngạn	2014-2016		9.960	9.960	9.960	9.960	9.960	9.960	9.960	9.960	3.000	3.000	3.000	3.000				
1.3	Xây dựng nhà lợp học 24 phòng Trường THPT Việt Yên số 1	Thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên	2014-2017		13.966	13.966	13.966	13.966	13.966	13.966	13.966	13.966	5.000	5.000	5.000	5.000				
1.4	Nhà trung tâm Trường THPT Chuyên Bắc Giang	TP Bắc Giang	2013-2014		39.285	39.285	39.285	39.285	39.285	39.285	39.285	39.285	3.000	3.000	3.000	3.000				
1.5	Trường mầm non (tầu trung tâm) thị trấn Chũ, huyện Lạc Ngạn, tỉnh Bắc Giang, hạng mục: Nhà lợp học 2 tầng, 6 phòng	TT Chũ, huyện Lạc Ngạn	2016-2017		4.469	4.469	4.469	4.469	3.978	3.978	3.978	3.978	3.000	3.000	3.000	3.000				
1.6	Hỗ trợ theo Nghị quyết 28/2014/NQ-HĐND về xây dựng cơ sở vật chất giáo dục mầm non giai đoạn 2015-2020	Các huyện, thành phố	2015-2020										150.000	150.000	150.000	130.000	20.000			
1.7	Trường Trung cấp nghề 1915 (Nhà học phụ số 2)	TP Bắc Giang	2010-2016		130.000	130.000	130.000	130.000	22.032	22.032	22.032	22.032								
1.8	Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT Giáp Hải	Tân Mỹ, TP BG	2013-2016		78.841	78.841	78.841	78.841	78.841	78.841	78.841	78.841	35.700	35.700	35.700	3.000	5.200			27.500
2	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</b>																			
2.1	Nhà lợp học, nhà thi nghiệm, nhà cầu, nhà đa năng Trường THPT Bồ Hạ, huyện Yên Thế	Trường THPT Bồ Hạ, huyện Yên Thế	2016-2018	315/QĐ-UBND, 31/7/2015	8.200	8.200	8.200	8.200	8.098	8.098	8.098	8.098	7.000	7.000	7.000	7.000				
2.2	Nhà lợp học 12 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Tân Yên số 1	Thị trấn Cao Thưng, huyện Tân Yên	2016-2017	339/QĐ-UBND, 14/8/2015	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	8.000	8.000	8.000	8.000				



2.4	Xây dựng Nhà xã trị thuộc Bệnh viện Đền TP Bắc Giang khoa lâm	2017-2019	02 tầng diện tích 1.160m <sup>2</sup>	185/QĐ-UBND, 31/3/2016	23.630	23.630	23.630	23.630	20.200	20.200	20.000								
2.5	Đường vào Bệnh viện Đa khoa thành phố Bắc Giang và Bệnh viện Nội tỉnh Bắc Giang	650m	2016-2017	574/QĐ-UBND, 30/3/2015	13.956	13.956	13.153	13.153	11.000	11.000	11.000								
2.6	Đường vào Bệnh viện Lão và Bệnh tỉnh Bắc Giang	2017-2018	400m	371/QĐ-UBND, 27/6/2016	7.760	7.760	7.760	7.760	6.600	6.600	6.500								
2.7	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện học truyện	3200 m <sup>2</sup> ; xây mới 700 m <sup>2</sup> và các hạng mục phụ trợ	2016-2017	625/QĐ-UBND, 26/10/2016	13.762	13.762	13.762	13.762	11.000	11.000	5.000	6.000	6.000						
XV	<b>LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI</b>				89.983	17.983	17.983	17.983	0	48.400	8.000	0	0	0	0	0	0	0	0
I	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>				89.983	17.983	17.983	17.983	0	48.400	8.000	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Đổi ứng dự án Xây dựng Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi chức năng cho người tàn tật - giai đoạn I	DT sân 5.307 m <sup>2</sup> và HƯPT	2014-2017	1660/QĐ- UBND, 30/10/2013	89.983	17.983	17.983	17.983	48.400	8.000	8.000								
XVI	<b>TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG</b>				185.445	23.575	23.575	23.575	15.700	122.349	34.000	0	0	0	0	0	0	0	0
I	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016- 2020</i>				106.700	15.700	15.700	15.700	15.700	26.800	12.000	12.000							
1.1	Dự án Khắc phục ô nhiễm môi trường làng nghề nấu nươu truyền thống xã Văn Hà, huyện Việt Yên	Xử lý ô nhiễm môi trường	2013-2016	85/QĐ- UBND, 14/6/2013	106.700	15.700	15.700	15.700	26.000	12.000	12.000								
2	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016- 2020</i>				78.745	7.875	7.875	7.875	0	96.849	22.000	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Xây dựng Bãi xử lý rác thải huyện Lục Nam	Bãi xử lý 20.000m <sup>2</sup>	2017-2019	520/QĐ-UBND, 27/10/2015	18.104	15.000	15.000	15.000	18.104	15.000	15.000								
2.2	Đổi ứng dự án Cải tạo, nâng cấp bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh huyện Yên Dũng	7,2 ha	2014-2017	1089/QĐ- UBND, 28/7/2014	42.290	4.229	4.229	4.229	42.290	4.000	4.000								
2.3	Đổi ứng dự án Cải tạo, nâng cấp bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh huyện Lục Ngạn	3,1 ha	2014-2017	1088/QĐ- UBND, 28/7/2014	36.455	3.646	3.646	3.646	36.455	3.000	3.000								
XVII	<b>HỒ THỦY TIÊU QUYẾT ĐỊNH</b>				33.437	31.398	31.398	31.398	0	24.421	24.421	0	0	0	0	0	0	0	0
I	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016- 2020</i>				8.944	8.022	8.022	8.022	0	1.247	1.247	0	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Huyện Sơn Động</i>																		
1	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Đông Hà xã Yên Định	81 hộ	2015	4944/QĐ- UBND, 15/10/2014	1.461	1.291	1.291	1.291	290	290	290								
2	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Ao Đông xã Vĩnh Khương	118 hộ	2015	4945/QĐ- UBND, 15/10/2014	1.145	1.109	1.109	1.109	109	109	109								
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung thôn Đông Bẩy xã An Lạc huyện Sơn Động	80 hộ	2015	4833/QĐ- UBND, 29/9/2015	1.226	1.000	1.000	1.000	226	226	226								
	<i>Huyện Lục Ngạn</i>																		

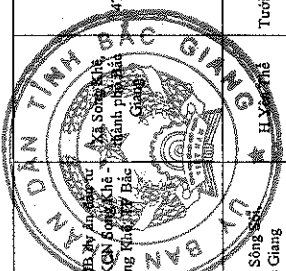






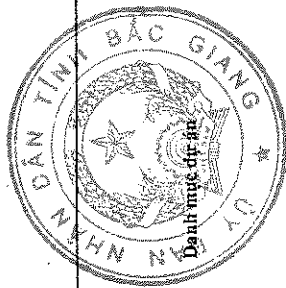


1.1	Dự án Bồi thường, CP/BT/BK An ninh trật tự xây dựng Khu phố Bắc Sơn, Sơn Khê - Xã Sơn Khê, Thành phố Bắc Giang	10ha: Hạ tầng kỹ thuật	2015-2016	2849/QĐ-UBND, 07/8/2015; 3170/QĐ-UBND, 07/9/2015; 3538/QĐ-UBND, 06/10/2015; 129/QĐ-UBND, 26/01/2016; 577/QĐ-UBND, 29/6/2016; 1272/QĐ-UBND, 24/11/2016; 482/QĐ-UBND, 05/4/2017; 632/QĐ-UBND, 17/5/2017	127.243	127.243	984/QĐ-UBND, 17/6/2009	438.016	758.096	758.096	1405/QĐ-UBND, 15/8/2017	480.319	42.303	40.603	23.603	97.645	97.645	97.645	Hoàn trả vốn đã dùng để BTGPMB
1.2	Dự án Hệ thống thủy lợi Sông Sét huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Tuyến 2.805, ha	2009-2015	10/NQ-HĐND, 23/10/2015	759.762	759.762	1739/QĐ-UBND, 31/10/2016	758.096	758.096	758.096					23.603			Kết hợp nguồn vốn cần đối địa phương	
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020																		
1.1	Xây dựng Nhà thi đấu thể thao tỉnh Bắc Giang	Thành phố BG	2017-2020	09/NQ-HĐND, 23/10/2015	132.967	132.967	1985/QĐ-UBND, 30/10/2015	123.382	123.382	123.382	1170/QĐ-UBND, 07/10/2015; 564/QĐ-UBND, 11/9/2017	123.382	120.000	120.000	70.000	70.000	70.000	Kết hợp nguồn vốn cần đối ngân sách địa phương, KH năm 2018 hoàn trả vốn đã vay quỹ đất	
1.2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nhà thể thao Xương Giang	Thành phố BG	2015-2019	09/NQ-HĐND, 23/10/2015	132.967	132.967	1985/QĐ-UBND, 30/10/2015	123.382	123.382	123.382	1170/QĐ-UBND, 07/10/2015; 564/QĐ-UBND, 11/9/2017	123.382	120.000	120.000	70.000	70.000	70.000	Kết hợp nguồn vốn cần đối ngân sách địa phương, KH năm 2018 hoàn trả vốn đã vay quỹ đất	
1.3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu số 1 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	TP Bắc Giang	2015-2017				1936/QĐ-UBND, ngày 27/10/2015	249.734	249.734	307.502	1813/QĐ-UBND, ngày 27/10/2017	307.502	270.000	270.000	233.000	233.000	233.000	Trong đó hoàn trả Quỹ PT đất và Quỹ đầu tư sinh phần vốn đã vay	
1.4	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu số 2 thuộc khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	TP Bắc Giang	2015-2017				1935/QĐ-UBND, ngày 27/10/2015	241.672	241.672	241.672			215.000	215.000	178.000	178.000	178.000	Trong đó hoàn trả Quỹ PT đất và Quỹ đầu tư sinh phần vốn đã vay	
1.5	Dự án xây dựng Thao trường tổng hợp Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Giang	Huyện Yên Thế	2015-2020				4857/QĐ-UBND, ngày 02/12/2010	43.300	43.300	37.100			4.642	4.642	4.642	4.642	4.642	Hoàn trả vốn đã dùng để BTGPMB	
1.6	Xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh (hỗ trợ BTGPMB)	TP Bắc Giang	2016-2020	825/QĐ-VKSCTC, 29/10/2015	77049	77049	149-TB/TU, 01/3/2017; 146/QĐ-VKSCTC, 31/10/2017	77.049	77.049	15.410			15.400	15.400	8.000	8.000	8.000	KH năm 2018 hoàn trả vốn đã vay quỹ đất tỉnh và triển khai thực hiện dự án	
1.7	Dự án Đường nhánh nối từ ĐT293 vào cảng Mỹ An huyện Lục Nam và Lục Ngạn	Các huyện: Lục Nam và Lục Ngạn	2017-2020	83/HĐND-TH, 30/11/2017	134.332	134.332		134.332	134.332	134.332			115.000	115.000	115.000	115.000	115.000		
1.8	Hỗ trợ công tác giao thông nông thôn của tỉnh giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết 07/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh	Các huyện, TP	2017-2021	NQ 07/2017/NQ-HĐND, 13/7/2017	500.000	500.000		500.000	500.000	500.000			400.000	400.000	50.000	50.000	50.000		
1.9	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Bắc Giang (giai đoạn II)	TP Bắc Giang	2016-2020	1009/QĐ-BCA-H41, 31/3/2017	103.000	103.000	3912/QĐ-BCA-H41, 30/10/2017	103.000	103.000	30.900			79.317	79.317	30.900	30.900	30.900	CV, cam kết ngày 28/10/2016	





KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016-2020



STT	* PHÂN BỐ CHI TIẾT 90%	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	VB thẩm định vốn, QĐ phê duyệt chủ trương đầu tư (số, ngày, tháng, năm)	QĐ dự án ban đầu hoặc QĐ dự án điều chỉnh đã được giao kế hoạch		Quyết định dự án điều chỉnh (nếu có)		Kế hoạch 5 năm 2016-2020			Ghi chú
						Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Số QĐ, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: Vốn NSTW		
											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
I	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC VÙNG					6.405.812	3.806.101	2.536.681	948.622	1.681.741	159.046	18.776	
I	Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020					3.430.509	1.909.018	1.021.294	241.000	835.266	126.066	18.000	
1.1	Xây dựng đường giao thông vào trung tâm các xã nghèo miền núi (Kiến Lao, Kiên Thành, Thanh Hải, Biên Sơn, và Đèo Gia) huyện Lạc Ngạn	Huyện Lạc Ngạn	Dài 50,6 km, đường cấp V, cấp VI miền núi và GTNT loại A	2011-2014	Dự án đầu tư trước khi có Chỉ thị 1792/CT-TTg	454.762	409.286			35.000			
1.2	Cải tạo, nâng cấp đường vào trung tâm xã Trường Giang (đoạn ngã ba Hồ Nước đi ngã ba Trại Mạ), huyện Lạc Nam	Huyện Lạc Nam	Cấp VI miền núi	2013-2016	7857/BKHĐT-KTĐP&LT, 28/10/2014	55.483	25.000	55.483	25.000	29.000	10.000		
1.3	Đường ô tô đến trung tâm xã miền núi Cẩm Đan, Chiên Sơn, Quê Sơn, Văn Sơn và Hữu Sản thuộc vùng ĐBKK huyện Sơn Động	Huyện Sơn Động	Cấp VI miền núi	2011-2017	11027/BKHĐT-KTĐP&LT, 15/12/2015	384.466	90.000	384.466	75.000	50.000	15.000		
1.4	Kè chống sạt lở kết hợp đê ngăn lũ, đường cứu hộ, cứu nạn 4 xã vùng sông Thương, sông Sỏi huyện Yên Thế	Huyện Yên Thế	4 tuyến đường cấp VI miền núi; 11 tuyến đường GTNT	2011-2017	434/BKHĐT-KTĐP&LT, 19/01/2016	526.902	108.000	104.934	78.000	50.000	30.000	18.000	
1.5	Dự án Kè chống sạt lở kết hợp đường cứu hộ, cứu nạn sông Lạc Nam, huyện Lạc Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Huyện Lạc Ngạn	Chiều dài 9,317 km; cấp đường nói dài 2,624 km	2011-2017	2301/BC-BKHĐT, 30/3/2016	476.411	63.000	476.411	63.000	20.000			
2	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					646.403	608.791	0	0	470.000	470.000	0	0
2.1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 295 (đoạn Vôi - Bền Tuấn và đoạn Ngọc Châu - TT Thăng), tỉnh Bắc Giang	Huyện Lạng Giang, Tân Yên, Hiệp Hòa	21,77 km; cấp III	2016-2020	9426/BKHĐT-KTĐP&LT, 30/10/2015; 561/QĐ-UBND, 30/10/2015	285.000	285.000			245.000	245.000		



1.2	Trung tâm Giống thủy sản cấp 1 (giai đoạn 2)	Huyện Lạc Giang		2012-2014	334/QĐ-UN/MD, 21/3/2011; 1548/QĐ-UBND, 26/10/2012	38.902	35.012			1.930	1.930		
2	<b>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</b>					124.575	124.425	124.575	124.425	24.490	24.490	0	0
2.1	Xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Lan Mẫu huyện Lạc Nam	Huyện Lạc Nam	52 ha; HTKI cấp IV (điện, hệ thống tiêu thoát nước)	2016-2020	9532/BKHĐT-KTNN, 30/10/2015; 567/QĐ-UBND, 30/10/2015	64.000	64.000	64.000	64.000	22.200	22.200		
2.2	Xây dựng hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Tiên Dũng và xã Đông Phúc, huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng	34 ha; HTKI cấp IV (điện, hệ thống tiêu thoát nước)	2016-2020	2206/BKHĐT-KTNN, 29/3/2016; 181/QĐ-UBND, 31/3/2016	60.575	60.425	60.575	60.425	2.290	2.290		
IV	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG</b>					227.718	211.493	202.722	188.997	82.250	82.250	0	0
I	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</b>					24.996	22.496	0	0	3.000	3.000	0	0
1.1	Dự án đường làm nghiệp tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015	Huyện Lạc Nam, Lạc Ngan, Sơn Đông	Dài 54 km, đường làm nghiệp cấp IV	2015-2017	1584/QĐ-UBND, 14/10/2013	24.996	22.496			3.000	3.000		
2	<b>Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</b>					202.722	188.997	202.722	188.997	79.250	79.250	0	0
2.1	Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang		2016-2020	9570/BKHĐT-KTNN, 30/10/2015; 572/QĐ-UBND, 30/10/2015	92.622	78.997	92.622	78.997	33.250	33.250		
2.2	Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và xây dựng đường làm nghiệp tỉnh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang		2016-2020	555/QĐ-UBND, 30/10/2015	110.100	110.000	110.100	110.000	49.000	49.000		
V	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÒNG CHỐNG GIẢM NHỀ THIÊN TAI, ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG DÂN CƯ</b>					432.826	308.832	103.029	103.000	171.300	171.300	0	0
*	<b>Các dự án về giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và thủy sản</b>					38.280	34.452	0	0	11.500	11.500	0	0
I	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</b>					38.280	34.452	0	0	11.500	11.500	0	0
1.1	Năng cấp Trung tâm Giống cây ăn quả, cây làm nghiệp (giai đoạn 2)	H Lạc Giang	CSHT diện tích 6,6 ha	2013-2015	1571/QĐ-UBND, ngày 30/10/2012	38.280	34.452			11.500	11.500		
*	<b>Các dự án bố trí sắp xếp dân cư nơi cần thiết</b>					60.306	48.000	0	0	46.000	46.000	0	0
I	<b>Các dự án hoàn thành giai đoạn 2011-2015</b>							0	0	16.000	16.000	0	0
1.1	Dự án sắp xếp bố trí dân cư vùng sát lộ xã Thăng Cương huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng		2009-2010						10.000	10.000		
1.2	Dự án di dời khẩn cấp lòng hồ Cẩm Sơn, thôn Na Hèm xã Hộ Đáp huyện Lạc Ngan	Huyện Lạc Ngan		2011-2015						6.000	6.000		
2	<b>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</b>					60.306	48.000	0	0	30.000	30.000	0	0







2.1	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt những di sản khởi nghĩa Yên Thế (giai đoạn I)	Các huyện Yên Thế, Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên	Đầu tư các hạng mục tại 05 điểm di tích trọng điểm	2017-2021	2263/BC-BKHĐT, 30/3/2016; 916/BKHĐT-TH, 05/2/2016; 1732/QĐ-TTg, ngày 6/9/2016	1740/QĐ-UBND, 31/10/2016	98.944	88.244												
XI	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU PHÁT TRIỂN HÀ TANG DU LỊCH</b>						170.055	169.855	80.200	68.000	153.050	60.000	0	0						
I	<i>Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						170.055	169.855	80.200	68.000	153.050	60.000	0	0						
1.1	Hạ tầng khu du lịch sinh thái Suối Mỏ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Huyện Lục Nam	8,37km đường GT, cấp III	2016-2020	9086/BKHĐT-KTĐV, 29/10/2016; 559/QĐ-UBND, 30/10/2015; 12/NQ-HĐND, 30/10/2015	1982/QĐ-UBND, 30/10/2015	90.055	89.855	80.200	68.000	81.050	40.000								
2.2	Đường và hạ tầng vào khu Thiên viện Trúc Lâm Phương Hoàng và Chùa Kem, xã Nham Sơn, huyện Yên Dũng	Huyện Yên Dũng	Cải tạo, nâng cấp 4,99km đường GT	2018-2022	9060/BKHĐT-KTĐV, 29/10/2015; 558/QĐ-UBND, 30/10/2015; 13/NQ-HĐND, 30/10/2015	1983/QĐ-UBND, 30/10/2015	80.000	80.000			72.000	20.000								
XII	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>						59.614	59.614	0	0	40.510	20.000	0	0						
I	<i>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020</i>						59.614	59.614	0	0	40.510	20.000	0	0						
1.1	Nâng cấp trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	Data center	2017-2020	9738/BKHĐT-KCHTĐT, 30/10/2015; 916/BKHĐT-TH, 05/2/2016; 81/HĐND	447/QĐ-UBND, ngày 29/3/2016	45.011	36.000			40.510	20.000								
XIII	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU Y TẾ - DÂN SỐ</b>						32.975	32.975	0	0	6.500	6.500	0	0						
I	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020</i>						32.975	32.975	0	0	6.500	6.500	0	0						
1.1	Dự án tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm	TP Bắc Giang	Cải tạo, nâng cấp	2010-2016		1334/QĐ-UBND, 10/8/2010	19.529	19.529			5.724	5.724								
1.2	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh	TP Bắc Giang	Cải tạo, nâng cấp	2010-2016		1686/QĐ-UBND, 11/9/2015	13.446	13.446			776	776								
XIV	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - VIỆC LÀM VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG</b>						117.419	99.000	117.419	99.000	67.500	67.500	0	0						
I	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020</i>						117.419	99.000	117.419	99.000	67.500	67.500	0	0						
1.1	Xây dựng Khoa đào tạo nghề Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang	TP Bắc Giang	Nhà giảng đường số 2; KTX số 2 và TTB	2016-2020	1823/BC-BKHĐT, 18/3/2016; 179/QĐ-UBND, 30/3/2016; 145/HĐND-THTT, 29/3/2016	474/QĐ-UBND, 31/3/2016	62.000	54.000	62.000	54.000	45.000	45.000								
1.2	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	Cải tạo, nâng cấp, công trình cấp III	2016-2020	3220/BKHĐT-LĐVX, 29/4/2016; 14/NQ-HĐND, 30/10/2015	1984/QĐ-UBND, 30/10/2015	55.419	45.000	55.419	45.000	22.500	22.500								

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2016-2020

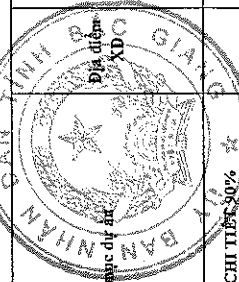
STT	Chương trình/dự án	Kế hoạch 5 năm 2016-2020										Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Ngân sách nhà nước						NSDP		TPCP	
			Ngân sách Trung ương			SN			ĐTPT	SN		
			ĐTPT	Trong nước	Ngoài nước	Trong nước	Ngoài nước					
		2.298.945	1.377.647	0	495.298	0	312.000	0	114.000			
I	PHÂN BỐ CHI TẾT 90%	648.045	457.037		191.008							
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững											
2	Chương trình 30a											
3	Chương trình 135											
4	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo											
5	Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin											
5	Dự án nâng cao năng lực, giám sát thực hiện CT											
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	1.650.900	920.610		304.290		312.000		114.000			



Không bao gồm kinh phí khen thưởng xây dựng các công trình phúc lợi thực hiện phong trào cả nước chung sức xây dựng NTM, giai đoạn 2011-2015



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN VAY ODA VÀ VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020



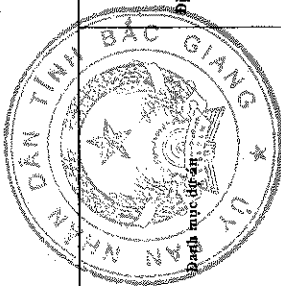
STT	Đanh mục dự án	Địa điểm	Thời gian KC-RT	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Số QP, ngày, tháng, năm ban hành	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020										Ghi chú						
							Kế hoạch các năm					Kế hoạch đầu tư						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số NSTW	Tổng số NSDP	Tổng số Cấp phát từ NSTW		
							Vốn trong nước		Vốn nước ngoài		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài		Tổng số NSTW						Tổng số NSDP	Tổng số Cấp phát từ NSTW
							Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó								
Tổng số	NSTW	NSDP	Tình bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền VN	Tổng số	Cấp phát từ NSTW	Tổng số	NSTW	NSDP	Tổng số	Cấp phát từ NSTW												
I	PHẦN BỐ CHI TIẾT 90%						2.027.034	307.912	183.712	1.719.122	1.562.132	262.945	124.200	138.745	1.282.401	1.138.229							
(1)	Lĩnh vực công cộng, đô thị, nước sạch và vệ sinh môi trường						1.164.711	233.772	109.572	930.939	786.767	231.272	124.200	107.072	914.132	769.960							
(2)	Các dự án khác công một trong giai đoạn 2016-2020						1.164.711	233.772	109.572	930.939	786.767	231.272	124.200	107.072	914.132	769.960							
(1)	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2, vay vốn ADB - Dự án thành phần tỉnh Bắc Giang	TP Bắc Giang	2016-2020	ADB	31/5/2016	1709/QĐ-UBND, 16/9/2015, 476/QĐ-UBND, 31/03/2016	887.442	166.583	42.383	32.931.000 USD	720.859	164.083	124.200	39.883	720.859	576.687							
(2)	Chương trình Mở rộng Quy mô vệ sinh và Nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Tỉnh Bắc Giang	2016-2020	WB	8/4/2016	3606/QĐ-BNN, 04/9/2015	277.269	67.189	67.189	9.097.000 USD	210.080	260.462	67.189	67.189	193.273	193.273							
II	Lĩnh vực y tế						485.135	37.899	37.899	447.236	447.236	281.294	19.753	19.753	261.542	261.542							
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020						485.135	37.899	37.899	447.236	447.236	281.294	19.753	19.753	261.542	261.542							
(1)	Dự án Phát triển Bệnh viện tỉnh, vùng giai đoạn II, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang bằng nguồn vốn vay của JICA Nhật Bản	TPBG	2016-2020	JICA	30/3/2012	1916/QĐ-UBND, 17/12/2013, 1351/QĐ-UBND, 26/8/2016, 7140/QĐ-BYT, ngày 02/12/2016	198.089	25.891	25.891	758.000.000 Yên	172.198	180.698	8.500	8.500	172.198	172.198	Vốn đối ứng từ nguồn thu ngành y tế						
(2)	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện vay vốn Ngân hàng Thế giới	Tỉnh Bắc Giang	2015-2016	WB	31/5/2011	2262/QĐ-BYT, 12/6/2015 của Bộ YT	64.836	7.710	7.710	57.127	57.127	64.836	7.710	7.710	57.127	57.127							
(3)	Dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc bộ và Đồng bằng sông Hồng sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới	Tại 05 bệnh viện được tỉnh Bắc Giang	2013-2019	WB	4/12/2012	2136/QĐ-BYT ngày 16/6/2014 của Bộ Y tế	222.209	4.298	4.298	217.911,3	217.911,3	35.760	3.543	3.543	32.217	32.217	Vốn đối ứng từ nguồn thu ngành y tế						
III	Lĩnh vực NN&PTNT						224.690	11.920	11.920	212.770	212.770	111.920	11.920	11.920	100.000	100.000							
I	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020						224.690	11.920	11.920	212.770	212.770	111.920	11.920	11.920	100.000	100.000							
(1)	Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn hồ đập (WB8) tỉnh Bắc Giang	Các huyện	2016-2020	WB	8/4/2016	4638/BNN-HTQT, 09/11/2015	224.690	11.920	11.920	9.460.000 USD	212.770	111.920	11.920	11.920	100.000	100.000							
IV	Lĩnh vực tài nguyên môi trường						152.498	24.321	24.321	128.177	115.359	6.727			6.727	6.727							



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN TRÁI PHIEU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2017-2020 CHO CÁC DỰ ÁN MỚI THUỘC CÁC LĨNH VỰC GIAO THÔNG, THỦY LỢI, Y TẾ, CHƯƠNG TRÌNH KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC MẦM NON, TIỂU HỌC

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (phòng)	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Vấn bản thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn		Quyết định phê duyệt dự án đầu tư ban đầu		Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2017-2020 (không bao gồm dự phòng 10% lợi từng bộ, địa phương)		Chú chú	
				Số quyết định, ngày, tháng năm ban hành	Tổng số vốn TPCP	Số báo cáo, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số vốn TPCP	Số quyết định, ngày, tháng năm ban hành	Tổng số	Tổng số	Trong đó: TPCP		Trong đó: TPCP
I	PHẦN BỐ CHỈ TIẾT 90%												
	Lĩnh vực giao thông												
1	Đường vành đai IV (Hà Nội) địa phận tỉnh Bắc Giang	Cấp III đồng bằng, tuyến chính 20,8 km; tuyến nhánh 14,6 km; 02 cầu	2017-2021	106/HĐND-TH, ngày 24/02/2017	1.300.046	1.299.746	127.200	84.600	42.600	1.230.512	1.114.600	927.000	Trong đó: TPCP Thu hồi các khoản nợ trước TPCP XDCB
II	Chương trình liên cơ hóa trường, lớp học mầm non, tiểu học												
1	Dự án Xây dựng nhà lớp học các trường mầm non thuộc 04 xã đặc biệt khó khăn (Cầm Đán, Chiến Sơn, Dương Hưu, Quế Sơn) huyện Sơn Đông	12 phòng học bậc mầm non	2017-2018	115a/QĐ-UBND, ngày 29/3/2017	7.920	6.000	7.920	6.000	1.920	7.920	6.000	6.000	
2	Dự án Xây dựng nhà lớp học các trường mầm non thuộc các xã đặc biệt khó khăn của huyện Lục Ngạn	20 phòng học bậc mầm non	2017-2019	208a/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017; 610/QĐ-UBND ngày 20/6/2017	13.940	10.000	13.200	10.000	3.200	13.924	10.000	10.000	
3	Dự án Xây dựng nhà lớp học tại các trường tiểu học thuộc các xã đặc biệt khó khăn của huyện Lục Ngạn	26 phòng học bậc tiểu học	2017-2019	207a/QĐ-UBND, ngày 31/3/2017; 611/QĐ-UBND ngày 20/6/2017	11.284	6.500	10.400	6.500	3.900	11.242	6.500	6.500	
4	Dự án Đầu tư xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 04 xã đặc biệt khó khăn (Lục Sơn, Bình Sơn, Vô Tranh và Trường Giang) huyện Lục Nam	17 phòng học (13 MN, 04 TH)	2017-2018	260/QĐ-UBND, ngày 30/3/2017	10.900	7.500	10.900	7.500	3.400	10.495	7.500	7.500	
5	Dự án Đầu tư xây dựng nhà lớp học các trường mầm non thuộc 04 xã đặc biệt khó khăn (Cành Nâu, Đồng Triền, Tiến Thắng, Đồng Hưu) huyện Yên Thế	19 phòng học (16 MN, 03 TH)	2017-2018	2557/QĐ-UBND, ngày 30/3/2017	12.350	9.500	12.350	9.500	2.850	12.348	9.500	9.500	
6	Dự án Xây dựng nhà lớp học các trường tiểu học thuộc 04 xã đặc biệt khó khăn (Cành Nâu, Đồng Triền, Tiến Thắng, Đồng Hưu) huyện Yên Thế	09 phòng học tiểu học	2017-2018	2558/QĐ-UBND, ngày 30/3/2017	4.050	2.250	4.050	2.250	1.800	4.044	2.250	2.250	
7	Dự án Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 03 xã vùng ATK II (Xã Thành Văn, Xã Hoàng Thành, Xã Mai Bình) huyện Hiệp Hòa	24 phòng học (16 MN, 08 TH)	2017-2019	332a/QĐ-UBND, ngày 30/3/2017	14.995	10.100	14.790	10.100	4.690	14.899	10.100	10.100	
8	Dự án Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 03 xã vùng ATK II (Thương Lâm, Hợp Thịnh và Mai Trung) huyện Hiệp Hòa	23 phòng học (17 MN, 06 TH)	2017-2019	334a/QĐ-UBND, ngày 30/3/2017; 384a/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	14.996	9.750	14.410	9.750	4.660	14.937	9.750	9.750	
9	Dự án Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 04 xã vùng ATK II (Đồng Tân, Đại Thành, Hoà Sơn và Quang Minh) huyện Hiệp Hòa	21 phòng học (08 MN, 13 TH)	2017-2018	333a/QĐ-UBND, ngày 30/3/2017; 383a/QĐ-UBND ngày 10/4/2017	13.975	7.250	12.279	7.250	5.029	13.719	7.250	7.250	



10	Dự án Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 04 xã vùng ATK II (Xã Hoàng Văn, Mát Trung, Mát Đình và Xuân Cẩm) huyện Hiệp Hòa	Huyện Hiệp Hòa	32 phòng học (06 MN, 26 TH)	2018-2019	320d/QĐ-LBND, ngày 30/3/2017	14.783	9.500	718/BC-SKHĐT ngày 09/12/2016	14.982	9.500	5.482	4974/QĐ-LBND ngày 12/7/2017	14.655	9.500	9.500		
11	Dự án Xây dựng nhà lớp học các trường thuộc 04 xã vùng ATK II (Xã Hợp Thịnh, Hùng Sơn, Thái Sơn và Hoàng Thành) huyện Hiệp Hòa.	Huyện Hiệp Hòa	17 phòng học (08 MN, 09 TH)	2018-2019	301a/QĐ-LBND, ngày 30/3/2017; 382a/QĐ-LBND ngày 10/4/2017	11.808	6.250	719/BC-SKHĐT ngày 09/12/2016	11.919	6.250	5.669	4975/QĐ-LBND ngày 12/7/2017	11.653	6.250	6.250		